TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thông;

2. Bà Nguyễn Tấn Hưng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tuấn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 304/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Hùng, sinh năm 1953; HKTT: Ấp Đ, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Hoa (Lê), sinh năm 1957; HKTT: Ấp Đ, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông H, bị đơn bà H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 16/7/2020, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn Hùng trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông H và bà H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1977, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D,

tỉnh Bình Dương vào ngày 11/6/2004. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2015, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến; bà H ham mê đánh bạc, từng bị xét xử về tội "Đánh bạc" nhưng vẫn không thay đổi. Hiện vợ chồng đã sống ly thân khoảng 05 năm, bà H sinh sống cùng con trai tên Phạm Quốc T, còn ông H sinh sống cùng con gái tên Phạm Thị Thu T. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nếu kéo dài không có lợi cho cả hai nên ông H làm đơn xin được ly hôn với bà H.

- *Về con chung:* Ông H và bà H có 05 con chung, tên Phạm Thế C, sinh năm 1978; Phạm Quốc T, sinh năm 1979; Phạm Thị Thu T, sinh năm 1982; Phạm Thu T, sinh năm 1983 và Phạm Trung A sinh năm 1991. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chứng cứ nguyên đơn ông H giao nộp*: Bản chính đơn xin ly hôn ngày 16/7/2020; bản sao CMND và đơn xin xác nhận hộ khẩu của nguyên đơn ông H; bản chính giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; bản tự khai của nguyên đơn ông H. Ngoài ra, ông H không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

**** Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thị H trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H thống nhất ý kiến với ông H về quá trình chung sống với nhau từ năm 1977, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 11/6/2004. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn lớn. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2015, thì ông H có người phụ nữ khác và tự ý bỏ nhà ra đi với người đó, trong thời gian này bà H buồn nên có thường xuyên đến nhà bạn chơi và có tham gia đánh bạc và bị xét xử về tội "Đánh bạc" cho hưởng án treo. Hiện tại, bà H sinh sống tại căn nhà cũ trước đây cùng con trai tên Phạm Quốc T. Ông H sau khi bỏ đi được một thời gian thì trở về xin đoàn tụ cùng các con để làm ăn và sinh sống cùng nhà với con gái tên Phạm Thị Thu T. Mặc dù, bà H và ông H đã sống ly thân khoảng 05 năm nhưng bà H vẫn còn thương ông H và hiện tại bà H đang bị nhiều căn bệnh trong người. Trước yêu cầu ly hôn của ông H, bà H không đồng ý vì bà H thấy rằng cần thiết phải sống cùng ông H để cùng lo cho các con, bà vẫn còn thương yêu ông H.

- *Về con chung:* Bà H thống nhất với ông H là vợ chồng có 05 con chung tên Phạm Thế C, sinh năm 1978; Phạm Quốc T, sinh năm 1979; Phạm Thị Thu T, sinh năm 1982; Phạm Thu T, sinh năm 1983 và Phạm Trung A sinh năm 1991. Các con chung đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp.

- *Chứng cứ bị đơn bà Hgiao nộp*: Biên bản lấy lời khai bị đơn bà H. Ngoài ra, bà H không cung cấp chứng cứ hay ý kiến gì khác.

**** Kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án:***

- Ngày 01/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương đối và đã xác định: Ông H và bà H có quan hệ là vợ chồng, sinh sống tại ấp Đ; bà H là người ham chơi cờ bạc nên vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Năm 2014, ông H từng bỏ nhà đi nơi khác làm ăn. Sau khi trở về, ông H và bà Hsống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

- Ngày 01/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng cũng tiến hành xác minh đối với anh Phạm Công T là con trai của ông H và bà H, được anh T cung cấp thông tin: Ông H và bà H đã sống ly thân được 05 năm; hiện nay bà H sinh sống cùng nhà với anh T, còn ông H sinh sống cùng nhà với con gái là chị T, 02 nhà cách nhau khoảng 600m. Tuy gần nhà nhưng ông H và bà H rất ít khi gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Thời điểm phát sinh mâu thuẫn là năm 2014 - 2015, khi bà H mê chơi cờ bạc dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm hay cự cãi nhau. Nhận thấy, ông H và bà H không còn tình cảm, nếu sống chung sẽ không có hạnh phúc như trước nên ông T đồng ý để ba mẹ ly hôn.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn ông H và bị đơn bà H có mặt. Quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn". Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, cho vợ chồng được ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông H, bị đơn bà H có mặt, đã đảm bảo việc tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông H khởi kiện "tranh chấp ly hôn" đối với bị đơn bà H, bà H có hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã T, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16/7/2020, ông H khởi kiện bà H với yêu cầu cụ thể là: Xin được ly hôn đối với bà Hoa; các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, không đồng ý ly hôn với ông H; cả hai yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H*:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông H và bà H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1977, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 11/6/2004. Hôn nhân giữa ông H và bà H đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo ông H thì quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn bất đồng ý kiến, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đã sống ly thân khoảng 05 năm. Bà H xác định mặc dù đã ly thân nhiều năm nay nhưng vợ chồng không có mâu thuẫn lớn nên không đồng ý ly hôn. Thấy rằng, theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và người thân trong gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng ông H và bà H đã không còn chung sống với nhau từ 05 năm nay; cả hai đều không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau trong công việc, gia đình và con cái; cả hai ở gần nhà nhưng rất ít khi gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân thì không có lợi gì cho cả hai. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết việc xin ly hôn của ông H với bà H là phù hợp quy định pháp luật.

[4.2] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, ông H và bà H có 05 con chung tên Phạm Thế C, sinh năm 1978; Phạm Quốc T, sinh năm 1979; Phạm Thị Thu T, sinh năm 1982; Phạm Thu T, sinh năm 1983 và Phạm Trung A sinh năm 1991. Các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông H và bà H không tranh chấp, không có đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung đề nghị giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Ông H là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn của ông Phạm Văn Hùng và bà Đặng Thị Hoa (Lê), xử lý cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phạm Văn H được ly hôn với bà Đặng Thị H. Giấy chứng nhận kết hôn số: 135, Quyển số 01 do UBND xã T cấp ngày 11/6/2004 cho ông Phạm Văn H với bà Đặng Thị H hết hiệu lực khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2. *Về con chung:* Các con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông H và bà H không tranh chấp, không có đơn yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn H được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 21/9/2020).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng